

Bản án số: 11/2019/HS-PT
Ngày 21-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiêm;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 159/2018/TLPT-HS ngày 17 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Lý Thị L cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lý Thị L; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nữ; sinh ngày: 09/3/1976 tại xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; con ông: Lý Văn B (đã chết) và bà: Vi Thị L3, sinh năm: 1957; chồng: Chu Văn T, sinh năm 1975; con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án về tội gì; chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Hoàng Văn M; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày: 09/7/1995 tại xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề

nghề: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Hoàng Văn T2, sinh năm: 1966 và bà: Chu Thị N2, sinh năm: 1966; vợ: Chu Thị T3, sinh năm 1995; con: Có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án về tội gì; chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. Chu Văn H1; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày: 28/5/1994 tại xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Chu Văn X và bà: Hoàng Thị L2 (đều đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án về tội gì; chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

4. Chu Thị H; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nữ; sinh ngày: 07/10/1989 tại xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Chu Văn B (đã chết) và bà: Chu Thị N3, sinh năm: 1962; chồng: Chu Văn T, sinh năm 1984; con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án về tội gì; chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

5. Lăng Thị D; tên gọi khác: L3; giới tính: Nữ; sinh ngày: 21/3/1990 tại xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lăng Văn T, sinh năm 1961 và bà: Chu Thị N, sinh năm: 1960; chồng: Chu Văn B, sinh năm 1988, con: Có 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án về tội gì; chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

6. Chu Văn N; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày: 28/12/1978 tại xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Chu Văn H3, sinh năm 1950 và bà: Hoàng Thị U, sinh năm: 1949; vợ: Lý Thị H4, sinh năm 1976, con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án về tội gì; chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

7. Chu Văn H2; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày: 01/6/1981 tại xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Chu Văn D (đã chết) và bà: Hoàng Thị P, sinh năm: 1950; vợ: Hoàng Thị C, sinh năm 1983, con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án về tội gì; chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn H2:* Bà Lương Thị Hương Lan - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 10/4/2018, Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực thôn K, xã T, huyện V phát hiện 01 nhóm khoảng 10 người gồm có cả nam và nữ đang ngồi rải rác cách chân đường mòn T thuộc thôn K- T, cạnh mỗi người để 01 thùng cát tông bọc bao tải dứa màu xanh có biểu hiện nghi vấn vận chuyển hàng cấm. Tổ công tác đến yêu cầu kiểm tra thì nhóm người bỏ lại các bọc bao tải dứa màu xanh chạy về các hướng khác nhau, trong đó có một người phụ nữ ngồi xa nhất hướng từ Trung Quốc về Việt Nam bỏ chạy được khoảng 3m thì bị tổ công tác giữ lại, tổ công tác tiếp tục truy đuổi các đối tượng còn lại nhưng không bắt giữ được. Người phụ nữ bị bắt trình bày không mang theo giấy tờ tùy thân và tự khai họ tên: Lý Thị L - sinh năm 1976, nơi cư trú: thôn Đ, xã H2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Lý Thị L đưa tổ công tác quay lại chỗ bọc bao tải dứa màu xanh bên ngoài có quai đeo, Lý Thị L khai trong thùng cát tông là pháo nổ vừa vận chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam, những người nam và nữ vừa bỏ chạy đều cùng sang Trung Quốc vận chuyển pháo về Việt Nam, các bao tải dứa màu xanh bên trong đều chứa pháo nổ. Tiến hành kiểm tra bên trong bọc bao tải dứa màu xanh của Lý Thị L, có 01 thùng bìa cát tông chứa 24 khối hình hộp, mỗi hộp có kích thước 14,5cm x 14,5cm x 15 cm, bên ngoài vỏ khối hộp có in nhiều chữ Trung Quốc, mỗi khối hình hộp có 36 vật hình trụ liên kết với nhau, là loại 36 quả/hộp. Tổ công tác tiếp tục kiểm tra xung quanh phát hiện còn có 11 bọc bao tải dứa màu xanh trong đó 08 bọc có đai đeo và 03 bọc không có đai đeo. Kiểm tra cụ thể 10 bọc bao tải dứa màu xanh trong mỗi bao đều có 01 thùng cát tông bên trong chứa 24 khối hình hộp kích thước 14,5cm x 14,5cm x 15cm, bên ngoài vỏ khối hộp có in nhiều chữ Trung Quốc, mỗi khối hình hộp có 36 vật hình trụ liên kết với nhau là loại 36 quả/hộp và 01 bọc bao tải dứa màu xanh bên trong có 01 thùng cát tông chứa 04 bánh hình tròn đường kính 80cm/bánh. Tổ công tác

đã mời người chứng kiến và đã đưa Lý Thị L cùng toàn bộ 12 thùng cát tông chứa tang vật về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ các tang vật, đồ vật. Tổng cộng tang vật nghi là pháo nổ thu giữ trong vụ án là 402 kg.

Tại bản kết luận giám định số: 2042/C54-P2 ngày 13/4/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Các mẫu vật gửi giám định bên trong đều có chứa thuốc pháo, khi đốt hoặc kích thích có gây tiếng nổ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào điểm k khoản 2 Điều 191; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N, Chu Văn H2 02 (hai) năm tù về tội Vận chuyển hàng cấm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2 kháng cáo xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2 giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Xét kháng cáo của các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2 thấy rằng bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo, do đó Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo về tội Vận chuyển hàng cấm theo điểm k khoản 2 Điều 191 và xử phạt mỗi bị cáo 02 năm tù là đúng người, đúng tội. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo có nộp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, đều là lao động chính trong gia đình, là người dân tộc thiểu số nên trình độ dân trí còn thấp, tuy biết hàng được thuê vận chuyển là pháo nhưng vì công vận chuyển cao nên vẫn thực hiện, nhưng xét thấy các bị cáo đều là người dân lương thiện, phạm tội do bị người khác lôi kéo dụ dỗ, có nơi cư trú rõ ràng; căn cứ vào nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành về án treo thì các bị cáo đủ điều kiện để được hưởng sự khoan hồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, xử giữ nguyên mức hình phạt tù như án sơ thẩm nhưng chuyển cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo qui định.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Chu Văn H2: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và đề xuất mức hình phạt đối với bị

cáo Chu Văn H2. Bị cáo Chu Văn H2 có hoàn cảnh khó khăn, ban đầu khi được thuê vận chuyển bị cáo cũng chưa biết hàng được thuê vận chuyển là pháo nổ, bị cáo cũng chưa nhận được tiền công vận chuyển hàng, mặt khác hành vi phạm tội của bị cáo cũng chưa thực hiện được do đã bị cơ quan Công an ngăn chặn kịp thời. Xét hoàn cảnh của bị cáo, là lao động chính trong gia đình, bị cáo cũng đã có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, vì vậy tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Văn H2, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để răn đe và giáo dục bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2 mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2 đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, tang vật thu giữ trong vụ án, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ để xác định: Hồi 22 giờ 00 phút ngày 10/4/2018, tại khu vực thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2 bị phát hiện đang có hành vi vận chuyển pháo nổ. Khi bị phát hiện các bị cáo bỏ chạy, riêng bị cáo Lý Thị L bị bắt quả tang cùng vật chứng của vụ án là 402 kg pháo nổ và các vật sử dụng để tàng trữ, vận chuyển pháo. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận tối ngày 10/4/2018 đã đi từ nhà theo đường mòn biên giới sang đất nước Trung Quốc và vận chuyển mỗi người 01 bao pháo nổ có khối lượng khoảng từ 28 đến 34kg với mục đích để nhận tiền công vận chuyển là 550.000 đồng. Các bị cáo khai đều biết hàng hóa vận chuyển là pháo nổ, biết rõ hành vi vận chuyển pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng tiền công vận chuyển cao nên vẫn thực hiện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2 về tội Vận chuyển hàng cấm theo điểm k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lý Thị L, Lãng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2, Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. Do đó mức hình phạt 02 (hai) năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến hoàn cảnh của các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, đều là lao động chính trong gia đình, tuy đã biết hàng được thuê vận chuyển là pháo nhưng do tiền công vận chuyển cao các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi vận chuyển pháo nổ qua biên giới của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về quản lý kinh tế, làm mất trật tự xã hội, vì thế cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục và đặc biệt là phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lý Thị L, Lăng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2 phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lý Thị L, Lăng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N và Chu Văn H2, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2018/HS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể:

1. Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 191; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lý Thị L 02 (hai) năm tù về Tội vận chuyển hàng cấm, được trừ 07 ngày bị cáo đã bị tạm giữ tạm giam (từ ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018), bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 23 (hai mươi ba) ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 191; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lăng Thị D 02 (hai) năm tù về Tội vận chuyển hàng cấm, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 191; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chu Thị H 02 (hai) năm tù Tội vận chuyển hàng cấm, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ điểm điểm k khoản 2 Điều 191; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chu Văn H1 02 (hai) năm tù Tội vận chuyển hàng cấm, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

5. Căn cứ điểm điểm k khoản 2 Điều 191; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M 02 (hai) năm tù Tội vận chuyển hàng cấm, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ điểm điểm k khoản 2 Điều 191; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chu Văn N 02 (hai) năm tù Tội vận chuyển hàng cấm, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

7. Căn cứ điểm điểm k khoản 2 Điều 191; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chu Văn H2 02 (hai) năm tù Tội vận chuyển hàng cấm, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lý Thị L, Lăng Thị D, Chu Thị H, Chu Văn H1, Hoàng Văn M, Chu Văn N, Chu Văn H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn

